

## Nhìn lại lạm phát năm 2010 - Nguyên nhân và giải pháp kiềm chế hiệu quả

TS. Nguyễn Văn Lâm \*

**T**heo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong cả năm 2010, chỉ số giá tiêu dùng tăng 11,75% so với tháng 12 năm 2009. Tuy nhiên, xem xét cụ thể giữa các tháng trong năm thì chỉ số CPI diễn biến khá bất thường nhưng có tính lặp lại giống một số năm gần đây, tháng 1-2010 tăng 1,36%, tháng 2-2010 tăng 1,96%, tháng 3 tăng 0,75%, tháng 4 tăng 0,14%, tháng 5 tăng 0,27%, tháng 6: 0,22%, tháng 7: 0,06%, tháng 8: 0,23%, tháng 9: 1,31%, tháng 10: 1,05%, tháng 11: 1,86% và tháng 12 tăng 1,98%.

Xét về cơ cấu tăng cả năm 2010 theo các nhóm mặt hàng thì tăng cao nhất là nhóm giáo dục tăng gần 20%; đứng hàng thứ hai là nhóm ăn và dịch vụ ăn uống, tăng tới 16,98%; tiếp đến là nhóm hàng nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 15,74%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng trên 11%; nhóm đồ uống, thuốc lá cũng có mức tăng khá, tới trên 8%,...Tuy nhiên nhóm bưu chính viễn thông lại giảm gần 6%. Nếu không có sự giảm giá của nhóm này thì chỉ số CPI cả năm 2010 chắc chắn tăng trên 12%! Về nguyên nhân cụ thể sự tăng giá của từng nhóm mặt hàng có thể thấy rõ quan một số phân tích ở phần sau.

### Nguyên nhân và bản chất của lạm phát

**Một là**, tính quy luật về quan hệ cung cầu hàng hóa theo mùa trong năm

Nhìn vào diễn biến chỉ số CPI giữa các tháng trong năm 2010 như tình bày ở trên cho

thấy, chỉ số CPI tăng cao chủ yếu vào đầu năm và cuối năm, tập trung là vào dịp trước và sau Tết Dương lịch cũng như Tết Nguyên đán. Đây là khoảng thời gian cầu tăng mạnh do tiêu dùng cuối năm, dịp Tết, nhưng cung hạn chế do thời tiết và do mùa vụ của sản xuất và một số yếu tố khác. Riêng tháng 12 – 2010 chỉ số CPI tăng cao nhất, tới gần 2%. Đóng góp chủ yếu vào con số này là mức tăng giá ở khu vực hàng ăn và dịch vụ ăn uống, tăng 3,31% (riêng lương thực tăng tới 4,67%). Cũng trong tháng này, giá nhà ở và vật liệu xây dựng cũng tăng mạnh tới 2,53%. Những phân tích dưới đây sẽ cho thấy rõ vì sao chỉ số CPI tăng cao vào những thời điểm đó.

**Hai là**, thực hiện chính sách xã hội hoá học tập và định hướng thị trường giá một số mặt hàng do nhà nước quản lý

Đầu năm 2010, Chính phủ điều chỉnh tăng giá bán

lê xăng dầu thị trường trong nước, tăng giá bán than, điện, nước sạch và điều chỉnh tăng mức lương cơ bản. Bên cạnh đó Chính phủ cũng cho phép điều chỉnh mức thu học phí từ tháng 9 và tháng 10-2010. Những điều chỉnh đó tác động lớn tới mặt bằng giá nói chung và là nguyên nhân chính làm cho nhóm giáo dục tăng giá cao nhất trong rô hàng hóa tính chỉ số CPI nói riêng.

### Ba là, do thiên tai

Lúa ở miền Bắc bị sâu bệnh đặc biệt là bệnh rầy. Tiếp đến là vụ Đông ở miền Bắc bị khô hạn nặng, rét đậm kéo dài. Miền Trung và Tây Nguyên bị bão lụt gây thiệt hại nặng nề nhất từ hàng chục năm qua, mùa màng vừa bị thiệt hại, giống cây trồng và vật nuôi cũng bị thiệt hại, thức ăn và vật tư nông nghiệp, máy móc thiết bị nông nghiệp bị mất hay hư hỏng. Giá điện, phân bón, thức ăn chăn nuôi, xăng dầu, lãi suất vốn vay và chi phí

\* Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

vốn vay...tăng, chi phí đầu vào tăng. Trong năm 2010, giá bán lẻ thức ăn chăn nuôi đã tăng tới 14 lần, riêng từ 15-9-2010 đến cuối tháng 12-2010 tăng tới 9 lần. Giá thức ăn chăn nuôi tháng 1-2010 còn ở mức 187.500 đồng/bao loại 25 kg, đến tháng 12-2010 đã tăng lên 264.000 đồng/kg. Giá đầu vào của thức ăn chăn nuôi tăng, đến lượt nó giá thức ăn chăn nuôi tăng tác động đến một loạt lĩnh vực, như: chăn nuôi lợn, gà, tôm, cá,...Đặc biệt là mặt hàng thịt lợn giữa năm 2010 không tăng, trong khi người chăn nuôi bị dịch bệnh, bị thua lỗ, nên hẹp quy mô chăn nuôi, sau đó nguồn cung ra thị trường hạn chế cộng với chi phí đầu vào tăng càng làm cho giá tăng lên. Cũng do chi phí đầu vào tăng cao và hạn hán nặng, rét đậm kéo dài ở phía Bắc, nên nhiều vùng trồng rau màu ven các đô thị lớn thu hẹp diện tích gieo trồng, nguồn cung giảm.

**Bón là**, do tác động của giá cả trên thị trường thế giới

Giá nông sản, nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, phân bón, thuốc trừ sâu, hóa chất khác phục vụ nông nghiệp và thuốc thú y,...trên thị trường thế giới tăng khá. Riêng giá cà phê tăng lên cao nhất trong 16 năm gần đây. Giá bông tăng tới 60-70% so với cuối năm 2009. Giá cao su, hồ tiêu, điều, gạo, đường thô, tinh bột sắn, hạt điều, chè, mặt hàng thủy sản chế biến...cũng tăng mạnh. Riêng giá mù cao Trung Quốc mua của Việt Nam tăng gấp

hơn 2 lần so với năm 2009. Tháng 8 - 2010, giá gạo xuất khẩu của Việt Nam bình quân khoảng 420 USD/tấn nhưng trong tháng 12-2010 tăng lên 495 - 500 USD/tấn.

Thiên tai xảy ra nặng nề tại nhiều nước, nhất là trong khu vực, như Trung Quốc, Pakistan, Thailand, Ấn Độ... cộng với tình hình thời tiết khắc nghiệt tại nhiều quốc gia khác làm cho sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại nghiêm trọng, dẫn đến cung cầu nhiều mặt hàng nông sản thực phẩm mất cân đối, cung giảm, cầu tăng. Giá thế giới tăng, giá xuất khẩu các mặt hàng tương ứng của Việt Nam tăng và giá thu mua trong thị trường nội địa cũng tăng. Trong quý IV-2010 hoạt động mua gom ngay từ đầu mỗi các mặt hàng: mù cao su tự nhiên, lợn hơi, thủy hải sản, đường... của thương nhân Trung Quốc với giá cao và khối lượng lớn tại nhiều vùng sản xuất nông sản hàng hoá của Việt Nam, càng tác động đến cung cầu, đến tâm lý và tác động đến giá cả các mặt hàng đó. Cùng với diễn biến chung của giá cả thị trường thế giới thì tình trạng đầu cơ mặt hàng nông sản thực phẩm tại Trung Quốc cũng đã tác động đáng kể đến giá cả thị trường nước ta.

Giá dầu thô trên thị trường thế giới năm 2010 bình quân tăng trên 30%. Các mặt hàng khác có liên quan đến dầu mỏ như: khí đốt, gas, hóa chất, hạt nhựa, nhựa đường, than đá,

chất dẻo, phân bón...cũng tăng khác. Một số mặt hàng nguyên liệu khác trên thị trường thế giới cũng tăng, như: sắt thép, đồng, nhôm, kẽm....nhóm mặt hàng kim loại nói chung trong năm 2010 tăng 18,5%. Các mặt hàng khác như: sữa bột, thuốc chữa bệnh, vật tư và dụng cụ y tế ... trên thị trường thế giới cũng biến động đáng kể về giá.

**Năm là**, do tác động của quá trình đô thị hóa và phát triển cơ sở hạ tầng

Trong xu hướng đô thị hóa và phát triển cơ sở hạ tầng trong nhà nước, diện tích đất đai tiếp tục bị thu hẹp. Các dự án nhà ở, khách sạn, du lịch sinh thái, sân golf, khu công nghiệp, đường giao thông, cơ sở hạ tầng khác....thu hồi đất nông nghiệp, đặc biệt là đất canh tác màu mỡ của người dân ở ven các khu đô thị, một mặt làm cho diện tích đất trồng trọt giảm, mặt khác người dân có tiền từ giải phóng mặt bằng, đền bù tài sản và hoa màu trên đất,...tăng tiêu dùng. Mặt khác tình trạng đó tác động hạn chế quy mô sản xuất nông nghiệp, giảm nguồn cung ứng nông sản ra thị trường. Xu hướng nói trên diễn ra trong nhiều năm qua, nhưng càng được đẩy mạnh và mở rộng trong năm 2010, nên tác động đáng kể đến giá cả.

Cũng do quá trình đô thị hóa, giá thuê nhà trong năm 2010 bình quân tăng trên 20%, nhất là giá nhà cho người có thu nhập thấp và trung bình thuê, như: sinh viên, người

lao động,... Bên cạnh giá nhà đất ở khu vực Hà Nội và một số tỉnh phía Bắc tăng từ 30% - 60% tùy theo khu vực, dự án và vị trí.

Nhu cầu xây dựng tăng, tác động đến giá cả mặt hàng vật liệu xây dựng, đặc biệt là các mặt hàng có tỷ lệ khá là nhập ngoại hay nguyên liệu nhập ngoại, như thép và phôi thép, sơn nhà, kính, nhôm, kính cao cấp, vật liệu khác....

**Sáu là,** tác động của tăng tỷ giá

Trong năm 2010 tỷ giá trên thị trường tự do tăng trên 10% và tỷ giá giao dịch của các TCTD đối với khách hàng tăng 5,9%. Tỷ giá chính thức từ cuối năm 2009 đến hết năm 2010 được NHNN điều chỉnh tăng hai lần. Riêng đợt điều chỉnh ngày 18-8-2010, tỷ giá bình quân liên ngân hàng giữa Đồng Việt Nam và Đô la Mỹ tăng 2,1%, từ 18.544 VND/USD, lên mức 18.932 VND/USD. Mục tiêu của việc điều chỉnh nhằm khuyến khích xuất khẩu, hạn chế nhập siêu. Song bên cạnh đó tác động đến giá các mặt hàng nhập khẩu, giá thu mua các mặt hàng xuất khẩu.

Tỷ giá tăng làm cho chi phí đầu vào một loạt mặt hàng có nguyên nhiên vật liệu, phụ tùng nhập ngoại tăng. Giá cho thuê văn phòng, khách sạn, mua bán căn hộ cao cấp,... tính theo USD quy đổi ra VND cũng tăng theo.

Việc tỷ giá tăng tạo sức ép lên giá bán lẻ xăng dầu thị

trường trong nước. Đặc biệt là giá bán lẻ các mặt hàng khác nhập khẩu từ nước ngoài hay có phụ tùng, nguyên vật liệu nhập khẩu, như: linh kiện máy tính, đồ điện tử, điện lạnh, hoá chất, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, dược phẩm, thuốc chữa bệnh và vật tư y tế, nguyên liệu hàng dệt may và giày da, vật liệu xây dựng cao cấp, ô tô và phụ tùng ô tô, xe gắn máy và phụ tùng xe gắn máy, thiết bị máy móc và phương tiện khác, thiết bị văn phòng, đồ dùng gia đình cao cấp... cũng tăng theo biến động tỷ giá. Trong đó rõ nét nhất là giá bán ô tô, xe gắn máy thị trường trong nước. Các mặt hàng nông sản thực phẩm khác Việt Nam có kim ngạch xuất khẩu lớn cũng có biến động lớn.

**Bảy là,** tác động của lãi suất

Trong 10 tháng đầu năm 2010, lãi suất cơ bản do NHNN công bố giữ ổn định ở mức 8%/năm, lãi suất huy động vốn nội tệ của các TCTD ở mức 12-13%/năm, lãi suất cho vay 14-15%/năm. Lãi suất cho vay của TCTD như vậy là rất cao so với mặt bằng chung lãi suất trong khu vực, so với tốc độ tăng trưởng nền kinh tế, lợi nhuận bình quân của doanh nghiệp và chỉ số CPI đến thời điểm đó. Lãi suất cao tác động đến chi phí đầu vào của vốn tổng giá thành sản phẩm hàng hóa và dịch vụ.

Từ tháng 11-2010, lãi suất cơ bản do NHNN công bố tăng từ 8%/năm lên 9%/năm để thực hiện mục tiêu kiềm

chế lạm phát. Lãi suất tiền gửi và lãi suất cho vay nội tệ của các NHTM lại tăng lên mức cao hơn. Ngày từ đầu tháng 11-2010, lãi suất tiền gửi nội tệ phổ biến đã lên tới 14-15%/năm, thậm chí cá biệt có thời điểm có NHTM tăng lên 16-17%/năm. Lãi suất cho vay vốn nội tệ của các NHTM cũng đã tăng lên phổ biến tới mức 16-20%/tháng.

Mức lãi suất cho vay nói trên gây khó khăn rất lớn đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, của người dân, tạo sức ép đẩy giá thành vật tư hàng hóa và dịch vụ tác động lên giá bán và tạo sức ép lên mặt bằng giá. Nhiều dự án triển khai dở dang nếu tiếp tục vay vốn thì thua lỗ vì lãi suất cao, nếu không vay vốn thì máy móc thiết bị bỏ không vẫn phải khấu hao, xuống cấp vì tác động của thiên nhiên, chi phí bảo vệ, trả lãi vốn vay đầu tư, chậm trả nợ gốc, người lao động thiếu việc làm, ảnh hưởng ngay đến chất lượng tín dụng vì nợ quá hạn có nguy cơ

**Tám là,** do biến động của giá vàng và diễn biến tâm lý của người dân

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, trong năm 2010, thời điểm cao nhất, đầu tháng 11-2010, giá vàng thị trường tổng nước tăng tới 36,72%, còn giá vàng cuối tháng 12-2010 so với cuối năm 2009 thì tăng khoảng 30%. Giá vàng tăng và lên cơn sốt vào nhiều thời điểm, cộng với diễn biến tăng thất thường của tỷ giá VND/USD trên thị

trường tự do, tác động lớn đến tâm lý của người dân về lạm phát, về sự mất giá của đồng tiền Việt Nam, góp phần tác động đến mặt bằng giá chung trên thị trường xã hội.

### **Chín là, về tiền tệ**

Tiền tệ được đề cập trong bài viết bao gồm cả kênh ngân hàng và kênh ngân sách. Tiền tệ không phải là nguyên nhân chủ đạo nhưng là nguyên nhân quan trọng tác động làm tăng giá nhóm mặt hàng nhà ở và vật liệu xây dựng.

Về kênh ngân sách và có tính chất ngân sách. Các dự án xây dựng trụ sở, văn phòng, trường học, bệnh viện, dự án bất động sản khác, các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng và dự án khác có nguồn gốc từ vốn ngân sách, vốn vay ODA nước ngoài,...được giải ngân hay vay ngân hàng ứng trước cho thi công,...góp phần đẩy giá mặt hàng nhà ở và vật liệu xây dựng, cũng như tác động lên nhóm mặt hàng khác trên thị trường. Một nguyên nhân quan trọng khác đó là thất thoát vốn đầu tư ngân sách và quản lý chi tiêu, thu chi ngân sách cũng góp phần tác động lên giá nhà ở và vật liệu xây dựng.

Về kênh tín dụng ngân hàng. Tiền vay khách hàng ngân hàng thương mại cho mua nhà, đất, mua căn hộ chung cư, xây nhà mới và sửa chữa nhà, xây khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng, văn phòng cho thuê và chủ dự án giải ngân vốn vay cho đền bù giải phóng mặt

bằng,...cũng góp một phần tác động vào mặt bằng giá chung.

Theo số liệu Ngân hàng Nhà nước, tính cuối tháng 12-2010, ước tính dư nợ cho vay để kinh doanh bất động sản khoảng 228.000 tỷ đồng, tăng 23,5% so với cùng kỳ năm 2009. Tuy nhiên đó là số liệu do các NHTM báo cáo lên, còn số vốn thực tế đầu tư vào bất động sản chắc chắn không dừng ở con số đó. Bên cạnh đó là các khoản vay tiêu dùng của người dân mua nhà, mua căn hộ, sửa chữa và cải tạo nhà,... chưa được thể hiện hay thể hiện chưa đầy đủ trong con số thống kê nói trên.

Song tại sao không khẳng định kênh tiền tệ qua hệ thống ngân hàng không phải là nguyên nhân chủ yếu gây nên lạm phát cao trong năm 2010. Trước hết bởi vì qua phân tích các nguyên nhân ở phần đầu bài viết cùng với sự tác động lên các nhóm hàng hóa và dịch vụ. Thứ hai đó là mức tăng tổng phương tiện thanh toán và tăng dư nợ cho vay của hệ thống ngân hàng hết năm 2010 so với nhiều năm gần đây không phải là cao, vẫn nằm trong tầm kiểm soát theo mục tiêu đề ra từ đầu năm.

Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước, tổng dư nợ cho vay của các TCTD trong toàn quốc tính đến hết tháng 12-2010 ước tăng 29,81% so với năm trước, trong đó dư nợ nội tệ tăng 25,3%, dư nợ ngoại tệ tăng 49,3%. Tổng phương tiện

thanh toán cả năm ước tăng 25,3%; tổng nguồn vốn huy động tăng 27,2%. Tuy nhiên nếu loại bỏ hư số do giá vàng và tỷ giá tăng thì trong năm 2010 tổng dư nợ tăng 27,6%, tổng phương tiện thanh toán tăng 23%, huy động vốn tăng 24,5%. Như vậy xét riêng dư nợ cho vay năm 2010 vẫn thấp hơn tốc độ tăng của 2 năm gần đây. Hoặc nếu tính theo độ trễ do tác động chính sách, tức là chỉ số CPI tăng khác trong quý IV-2010 thì nhìn ngược lại trong 6 tháng đầu năm dư nợ cho vay mới chỉ tăng khoảng 11%, thì không có gì là cao. Đồng thời cũng xét theo nhu cầu của nền kinh tế, theo tốc độ tăng trưởng GDP thì tốc độ tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán và dư nợ cho vay là phù hợp.

### **Một số giải pháp**

#### ***Về điều hành chính sách tiền tệ***

**Trước hết**, là về lãi suất. Lãi suất là một công cụ truyền thống, có tính chất cổ điển trong thực hiện kiềm chế lạm phát. Song thực hiện công cụ này để kiềm chế lạm phát cần phải xem xét các diễn biến khác về kinh tế vĩ mô, phân tích thực trạng thị trường tiền tệ và hoạt động ngân hàng chứ không thể áp dụng máy móc được. Trước thời điểm NHNN tăng lãi suất cơ bản lên 9%/năm, thì nền kinh tế đang có hiện tượng khan hiếm vốn chứ không phải có tình trạng thừa tiền trong lưu thông. Các

NHTM đua nhau tăng lãi suất tiền gửi kèm theo nhiều hình thức khuyến mại hấp dẫn khác nhưng vẫn khó huy động được vốn. Bên cạnh đó, lãi suất cơ bản đang là 8%, lãi suất huy động vốn lên tới 12-13%/năm và lãi suất cho vay lên tới 15%/năm. Bản thân lãi suất đó đã quá cao so với mặt bằng lãi suất chung trong khu vực và cũng quá cao so với nền kinh tế. Lãi suất huy động vốn cao hơn nhiều so với tỷ lệ lạm phát và lãi suất cho vay gấp gần 2,5 lần tốc độ tăng trưởng kinh tế: 6,78%. Do đó cần có biện pháp hạ thấp lãi suất của các TCTD. Bởi vì nếu duy trì mức lãi suất cao như hiện nay trong nhiều tháng tới tiếp tục gây tiềm ẩn rủi ro cho nền kinh tế, cho hệ thống ngân hàng thương mại và có tác động ngược lại mục tiêu kiềm chế lạm phát. Sử dụng công cụ lãi suất thực hiện mục tiêu kiềm chế lạm phát giai đoạn hiện nay cần có sự linh hoạt thích ứng với thực tế của tình hình, nếu không mục tiêu chống lạm phát không những không đạt được mà nền kinh tế lại rơi vào tình trạng ngày càng tụt hậu xa về mức độ tăng trưởng so với một số nước trong khu vực.

**Thứ hai,** là về tỷ giá, cần có các biện pháp cụ thể, linh hoạt và phù hợp với các quy định hiện hành về ngoại hối nhằm khắc phục hai hệ thống tỷ giá, hoặc thu hẹp bớt khoảng cách giữa hai hệ thống tỷ giá, ổn định tỷ giá, xử lý nghiêm các trường hợp niêm

yết và bán hàng hóa, dịch vụ thu bằng ngoại tệ. Điều hành tỷ giá theo hướng linh hoạt và ổn, định, tăng tính minh bạch cho thị trường này cũng là biện pháp cần thiết góp phần kiềm chế lạm phát.

**Thứ ba,** là về thị trường vàng, nên chủ động cho nhập khẩu vàng theo nhu cầu của thị trường chứ không nên bị động chạy theo thị trường, chạy theo các cơn sốt, tăng tính thông tin minh về quản lý nhà nước đối với hoạt động này.

**Thứ tư,** là về tín dụng. NHNN dự kiến trong năm 2011 tăng trưởng tín dụng ở mức 23%, tổng phương tiện thanh toán giữ ở mức 21-23%. Song cần xác định đó chỉ là chỉ tiêu định hướng. Việc tăng trưởng tín dụng phải dựa trên nhu cầu vốn thực tế, hiệu quả của nền kinh tế.

Hiện nay các NHTM bản thân đã ý thức, chủ động quản trị rủi ro tín dụng, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động cho vay nói chung và nợ xấu nói riêng. Song về lĩnh vực quản lý nhà nước, cần tăng cường thanh tra hoạt động cho vay đầu tư bất động sản, cho vay kinh doanh chứng khoán và các khoản cho vay vòng vòng mà thực chất là mua cổ phần tăng vốn điều lệ của các NHTM, cũng như đầu tư vào các doanh nghiệp khác. Cơ chế quản lý thị trường nội tệ liên ngân hàng cần linh hoạt để các NHTM cổ phần quy mô nhỏ tham gia tích cực, có hiệu quả hơn đáp ứng nhu cầu vốn

của mình, góp phần minh bạch hóa lãi suất và ổn định lãi suất trên thị trường tiền gửi.

Cần được xác định rằng, trên thị trường nói chung và thị trường liên ngân hàng nói riêng, bao giờ cũng tồn tại người buôn bán lớn và người buôn bán nhỏ, người bán buôn và người bán lẻ,... Trên thị trường liên ngân hàng, tất yếu tồn tại các NHTM cổ phần quy mô nhỏ, thường có nhu cầu đi vay và các NHTM có quy mô lớn, chuyên cho vay. Bởi vì các NHTM cổ phần quy mô nhỏ có mạng lưới khiêm tốn, thương hiệu chưa được nhiều người biết đến,... nên khó huy động vốn trên thị trường I, tức thị trường thu hút tiền gửi của doanh nghiệp và dân cư, càng khó cạnh tranh trong thu hút tiền gửi của các tổ chức kinh tế thường có lượng tiền gửi lớn, do đó phải đi vay trên thị trường II. Ngược lại, các NHTM nhà nước, kể cả NHTM Nhà nước đã được cổ phần hóa và một số NHTM cổ phần quy mô lớn, thường có lợi thế về huy động vốn, nhất là tiền gửi của các doanh nghiệp, các tập đoàn kinh tế, các tổ chức khác có nguồn tiền gửi lớn, với lãi suất rẻ, lợi thế thu hút tiền gửi của dân với kỳ hạn dài, ổn định. Khối NHTM này còn có lợi thế nữa đó là có điều kiện quản trị nguồn vốn tốt hơn, chủ động giành một phần nguồn vốn huy động để đầu tư vào giấy tờ có giá, tạo nguồn hàng chủ động tham gia các kênh cung ứng vốn

và đáp ứng nhu cầu thanh khoản của Ngân hàng Nhà nước. Các NHTM này thường xuyên tham gia thị trường mớ của NHNN, vay được vốn từ NHNN với lãi suất rẻ, nên đem bán buôn cho các NHTM cổ phần uy mô nhỏ với lợi suất cao, hưởng chênh lệch lãi suất. Bởi vậy cơ quan quản lý sử dụng biện pháp hành chính, quy định quá hẹp tỷ lệ vốn vay trên thị trường II để cho khách hàng vay, thì làm méo mó đi hoạt động của thị trường tiền tệ, buộc các NHTM cổ phần quy mô nhỏ phải “tiên phong” dâng lãi suất tiền gửi tiết kiệm lên cao. Theo tính toán của các NHTM loại này, họ thà phá “rào” theo thoả thuận giữa các thành viên Hiệp hội ngân hàng còn hơn phải đi vay vốn liên ngân hàng với lãi suất cao của các NHTM quy mô lớn. Trong cuộc cạnh tranh thiếu bình đẳng như vậy không nên chỉ phê phán, lên án một chiều, “đổ lỗi” cho các NHTM quy mô nhỏ gây nên cuộc đua tăng lãi suất huy động vốn, mà cần bãi bỏ những quy định hành chính làm méo mó và hạn chế vai trò, làm giảm tính linh hoạt của thị trường tiền tệ. Bên cạnh đó cần có cơ chế linh hoạt, mềm dẻo hơn tạo điều kiện cho các NHTM cổ quy mô nhỏ tham gia có hiệu quả vào kênh “bơm vốn” của NHNN.

Cũng cần đánh giá khách quan hơn, nhìn nhận trái chiều, trong điều kiện của thị trường tiền tệ hiện nay, có phải rằng chính một số NHTM có quy mô lớn, có điều kiện về

tiếp cận các kênh vay vốn với lợi suất cạnh tranh, chính là người dẫn dắt thị trường, “tìm cách làm giá” về mặt lãi suất hay không! Sự nghi ngờ này không phải là không có cơ sở vì khi thanh khoản khó khăn, ngân hàng đi vay thì nhiều, nhưng ngân hàng cho vay thì ít nên dễ dàng “làm cao”, gây sức ép lên những ngân hàng bí vốn.

### *Về chính sách tài khóa*

Đối với kênh ngân sách nhà nước, chống thất thu, bỏ sót nguồn thu, rà soát các kẽ hở trong quản lý nguồn thu và phòng chống tiêu cực trong lĩnh vực thu; tương tự, nâng cao hiệu quả quản lý vốn đầu tư ngân sách và kiểm soát chặt chẽ các chi tiêu từ ngân sách, đều là những vấn đề không mới nhưng cũng cần nêu lên để có tính đồng bộ khi đề cập đến kiểm chế lạm phát là không ngừng quan tâm đặc biệt đến lĩnh vực này. Thất chặt tiền tệ cần phải nhấn mạnh đến kênh này.

Thực hiện hiệu quả, tránh thất thoát, tham nhũng, các tiêu cực khác và tránh ứ đọng các nguồn vốn ODA, vốn đầu tư ngân sách các cấp cũng có ý nghĩa rất lớn góp phần kiểm chế lạm phát, giảm thiểu việc phát sinh chi phí ngoài dự toán, vốn bị đội lên ngoài dự kiến ban đầu đưa nhanh các công trình đó vào sử dụng, phát huy hiệu quả đối với nền kinh tế.

Biện pháp cụ thể cần được

thực thi đó là giám sát chặt chẽ tiến độ thực hiện dự án, thay thế kịp thời nhà thầu không đủ năng lực thi công, kiên quyết và giải quyết dứt điểm trong giải phóng mặt bằng, linh hoạt giải quyết các phát sinh. Xử lý nghiêm minh cán bộ có tiêu cực, cán bộ không dám chịu trách nhiệm và cán bộ không có chuyên môn, nghiệp vụ, bản lĩnh và năng lực trong thực thi công việc có liên quan.

Bên cạnh đó quản lý chặt chẽ hoạt động của các Tập đoàn nhà nước, Tổng công ty nhà nước để tạo nên sự minh bạch về tài chính, hiệu quả vốn đầu tư, tránh thất thoát vốn,... như trường hợp Vinashin,... cũng là một giải pháp cấp bách góp phần kiểm chế lạm phát.

### *Giải pháp khác*

Do đó để kiểm chế lạm phát cần có biện pháp khuyến khích phát triển sản xuất kinh doanh nói chung, sản xuất nông sản thực phẩm nói riêng là hết sức quan trọng. Tăng sản lượng nông sản thực phẩm với chất lượng ngày càng cao không những đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước mà về xuất khẩu còn tăng nguồn thu ngoại tệ, góp phần giảm thâm hụt cán cân thương mại ổn định tỷ giá.

Việt Nam gia nhập WTO thì phải chấp nhận thực tế sự liên thông giá cả nông phẩm trong nước và thị trường thế giới. Người sản xuất có lợi, càng kích thích họ mở rộng sản xuất, nâng cao chất lượng,

tăng nguồn hàng cho xuất khẩu và cho thị trường trong nước, tăng nguồn thu ngoại tệ góp phần bình ổn tỷ giá, tạo việc làm ổn định với thu nhập khá cho những người có liên quan, góp phần ổn định xã hội và đảm bảo an sinh xã hội. Mặt khác nguồn cung nông sản thực phẩm khá lên góp phần bình ổn giá mặt hàng này. Cũng chính vì vậy việc thắt chặt tiền tệ không thể kéo giá thị trường nông sản thế giới đi xuống, làm giảm giá bán lẻ nông sản thực phẩm ở Việt Nam. Ngược lại việc thắt chặt tiền tệ, nông dân không vay được vốn đầu tư cho sản xuất ảnh hưởng đến nguồn cung, hoặc vay với chi phí cao càng tác động tăng giá bán trên thị trường, đi ngược lại mục tiêu kiềm chế lạm phát.

Việt Nam vốn là một nước

sản xuất nông nghiệp. đến nay khu vực nông nghiệp và kinh tế nông thôn vẫn chiếm khoảng 70% lực lượng lao động xã hội. cũng tương ứng khoảng 70% dân số sống ở nông thôn. Giá cả nông sản thực phẩm tăng, góp phần nâng cao thu nhập cho người sản xuất, khu vực vốn chịu nhiều rủi ro và lợi nhuận thấp. Giá cả nông phẩm được cải thiện cũng kích thích chuyên dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp – nông thôn theo hướng hàng hoá, bám sát nhu cầu của thị trường.

Đương nhiên về phía người làm công, ăn lương, hưởng trợ cấp xã hội, người nghèo ở đô thị,... bị ảnh hưởng lớn bởi giá lương thực - thực phẩm tăng, trong khi lương hay trợ cấp xã hội không tăng hoặc tăng rất chậm. Thu nhập gần như giành hết cho nhu cầu

ăn uống tối thiểu, nên đời sống ngày càng khó khăn.

Để đảm bảo lợi ích của cả người sản xuất khi gia nhập WTO, vừa đảm bảo an sinh xã hội, thì cần có chính sách điều tiết vĩ mô của nhà nước, chứ không thể sử dụng biện pháp hành chính làm méo mó đi thị trường nông sản.

Định hướng quy hoạch đất đai, sử dụng đất cho sản xuất công nghiệp, đô thị,... đến các khu vực không phải là đất đai màu mỡ, đất 2-3 vụ.

#### Tài liệu tham khảo:

*Tổng cục Thống kê*

*Thời báo kinh tế Việt Nam: các số tháng 11 và 12/2010*

[www.mof.gov.vn](http://www.mof.gov.vn)

## Nâng cao năng lực quản lý...

(Tiếp theo trang 31)

để nâng cao năng lực quản trị theo khoa học cùng với các kỹ năng, thao tác; giá trị cảm tính tạo sự nhạy cảm trong công việc cùng với hành vi thái độ đúng đắn được rèn luyện qua thực tiễn sẽ là những yếu tố nền tảng đi đến thành công của nhà quản trị.

Như vậy, thông qua nghiên cứu vai trò của chủ doanh nghiệp nhỏ đối với sự phát triển của doanh nghiệp trong bối cảnh hiện nay cũng như các yếu tố cấu thành năng lực quản lý của chủ doanh

nh nghiệp nhỏ, việc không ngừng nâng cao và bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và rèn luyện thái độ, phẩm chất cá nhân của chủ doanh nghiệp nhỏ là hết sức cần thiết để tạo ra một đội ngũ doanh nhân giỏi, đưa doanh nghiệp nhỏ Việt Nam ngang tầm doanh nhân thế giới. Điều này cần đòi hỏi sự nỗ lực không chỉ của bản thân các chủ doanh nghiệp nhỏ mà còn cần những tác động từ phía doanh nghiệp và xã hội.

#### Tài liệu tham khảo

*Trương Thanh Đức, Ông chủ và người đại diện của doanh nghiệp, Tạp chí Nhà quản lý, số 72 tháng 6/2009*

*L.J.Filion (sous la direction de) (2007) Management des PME, de la création à la croissance (Quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa – từ khởi sự đến phát triển), NXB ERPI.*

Các website: <http://hasmea.org/>; <http://www.nguoi lanhduo.vn>